

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017
quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ
môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm
công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa**

(Tiếp theo Công báo số 585 + 586)

Phụ lục

**Mẫu giấy chứng nhận và sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho
tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho
phương tiện thủy nội địa**

*(Ban hành theo Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

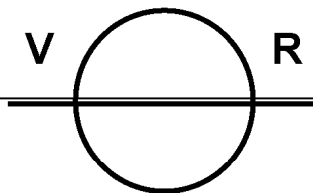
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM



SỔ CHỨNG NHẬN
THẺ TÍCH CHIẾM NƯỚC
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Trang bìa)



SI-03

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

1. Sổ chứng nhận thể tích chiếm nước chỉ cấp cho phương tiện thủy nội địa chở hàng khô áp dụng phương pháp giao nhận hàng theo món nước khi chủ tàu yêu cầu.
2. Sổ chứng nhận thể tích chiếm nước luôn đính kèm với hồ sơ do Đăng kiểm cấp còn hiệu lực.
3. Sổ chứng nhận thể tích chiếm nước mất giá trị sử dụng trong các trường hợp sau:
 - a) Không được kiểm tra xác nhận của Cơ quan Đăng kiểm.
 - b) Phương tiện có những thay đổi làm ảnh hưởng đến nội dung ghi trong sổ mà không được Đăng kiểm chấp thuận.
 - c) Số liệu ghi trong sổ bị phủ, viết lại hoặc tẩy xóa.
 - d) Khi phương tiện không duy trì được điều kiện còn hiệu lực của Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.
4. Quy định về sử dụng sổ
 - Trong quá trình sử dụng, không tháo rời sổ;
 - Xem hướng dẫn sử dụng Bảng thể tích chiếm nước ghi trên trang bìa 3 của sổ này.
5. Thủ trưởng Cơ quan Đăng kiểm ký, ghi rõ ngày tháng năm vào vị trí đóng dấu giáp lai giữa các trang, từ trang 2 đến giữa sổ.

(Trang 1 của sổ)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BẢNG THẺ TÍCH CHIẾM NƯỚC

Cách xác định thể tích chiếm nước và trọng lượng chiếm nước tại một chiều chìm bất kỳ của tàu theo Bảng thẻ tích chiếm nước của sổ SI-03 như sau:

1. Tính chiều chìm trung bình của tàu theo công thức:

$$Ttb = \left[\frac{TmLd + TdLm}{Lm + Ld} \right] \quad (m)$$

2. Nếu có đo cả món nước ở giữa tàu (thường được gọi là phương pháp đo 6 điểm) thì tính chiều chìm trung bình theo công thức:

$$Ttb = \left[\frac{TmLd + TdLm}{Lm + Ld} + Tg \right] \frac{1}{2} \quad (m)$$

Trong đó: Tm , Td , Tg , Lm , Ld theo thứ tự là món nước mũi, món nước đuôi, món nước giữa, khoảng cách từ điểm giữa tàu đến thước nước mũi (hoặc đến vị trí điểm đo mũi), khoảng cách từ điểm giữa tàu đến thước nước đuôi (hoặc đến vị trí điểm đo đuôi) của tàu.

3. Từ chiều chìm trung bình Ttb , tra trong sổ để được giá trị hoành độ trọng tâm diện tích đường nước Xf .
4. Lượng hiệu chỉnh chiều chìm được tính theo công thức:

$$\Delta T = \left[\frac{Tm - Td}{Lm + Ld} \right] Xf \quad (m)$$

5. Chiều chìm thực tế của tàu được tính theo công thức:

$$Tf = Ttb + \Delta T \quad (m)$$

6. Từ chiều chìm Tf , tra trong sổ SI-03 để được thể tích lượng chiếm nước V (m^3) của tàu.

7. Trọng lượng chiếm nước:

$$D = \gamma \cdot V \quad (\text{tấn})$$

(Với γ là trọng lượng riêng của nước tính bằng tấn/mét khối).

8. Trọng lượng hàng: $Ph = [D_2 - P_2] - [D_1 - P_1]$ (tấn)

(Với D_2 , D_1 thứ tự là trọng lượng chiếm nước có hàng và không hàng của tàu; P_2 , P_1 thứ tự là tổng các trọng lượng biến động ở trạng thái có hàng và không hàng của tàu).

(Trang cuối của sổ)

CH-1-S

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM



**SỞ KIỂM TRA THIẾT BỊ NÂNG HÀNG PHƯƠNG TIỆN THỦY
NỘI ĐỊA**

Tên thiết bị nâng:

Tên phương tiện:

Số Đăng kiểm của phương tiện:

Chủ phương tiện:

HƯỚNG DẪN VIỆC GHI VÀ SỬ DỤNG**SỔ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT THIẾT BỊ NÂNG TRÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

1. Sổ này do Cục Đăng kiểm Việt Nam (ĐKVN) cấp cho mỗi thiết bị nâng trên phương tiện thủy nội địa thuộc phạm vi giám sát của Cục ĐKVN gồm 10 trang.
2. Đăng kiểm viên của ĐKVN tiến hành kiểm tra và ghi kết quả kiểm tra vào phần III của Sổ.
3. Trách nhiệm của Chủ thiết bị nâng:
 - a - Kê khai đầy đủ đặc tính của thiết bị nâng (Phần I).
 - b - Phải cung cấp đầy đủ toàn bộ hồ sơ kỹ thuật của thiết bị nâng cho Đăng kiểm viên kiểm tra.
 - c - Duy trì trạng thái kỹ thuật của thiết bị nâng phù hợp với các đặc tính đã cấp.
 - d - Kê khai đầy đủ việc sửa chữa, thay thế, hoán cải các bộ phận cơ cấu của thiết bị nâng (Phần II).
4. Toàn bộ các giấy chứng nhận và biên bản kiểm tra phải luôn được kèm trong Sổ này.

**SỔ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT
THIẾT BỊ NÂNG TRÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

1. TÊN THIẾT BỊ NÂNG:
2. NĂM, NƠI CHẾ TẠO:
3. SỐ ĐĂNG KIỂM HOẶC SỐ CHẾ TẠO THIẾT BỊ NÂNG (nếu có):
3. CHỦ PHƯƠNG TIỆN:
4. TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM:

Ngày..... tháng..... năm.....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Ký tên, đóng dấu)

PHẦN I - ĐẶC TÍNH THIẾT BỊ NÂNG

- 1) Sức nâng cho phép, tấn:
- Móc chính:.....; Móc phụ:.....; Gầu ngoạm:.....
- 2) Tầm với/khẩu độ, m:
- Móc chính - lớn nhất/nhỏ nhất:.....
- Móc phụ - lớn nhất/nhỏ nhất:.....
- Gầu ngoạm - lớn nhất/nhỏ nhất:.....
- 3) Chiều cao nâng lớn nhất, m:
- Móc chính:.....; Móc phụ:.....; Gầu ngoạm:.....
- 4) Tốc độ nâng hàng lớn nhất, m/ph:
- Móc chính:.....; Móc phụ:.....; Gầu ngoạm:.....
- 5) Tốc độ nâng cần lớn nhất, m/ph:.....
- 6) Tốc độ quay lớn nhất, v/ph:
- 7) Tốc độ di chuyển lớn nhất, m/ph:
- Di chuyển thiết bị nâng:.....
- Di chuyển xe con:

13) Đặc tính phanh hãm:

Cơ cấu	Số lượng phanh	Loại phanh (đai, má, thường đóng, điều khiển tự động bằng tay)	Loại truyền động phanh (điện từ, thủy lực)	Hệ số dự trữ phanh	Quãng đường phanh của cơ cấu
1) Nâng tải					
- Móc chính:
- Móc phụ:
2) Nâng cần:
3) Quay:
4) Di chuyển:					
- Thiết bị nâng:
- Xe con:

14) Các thiết bị an toàn:

a - Thiết bị ngắt hành trình:

- Cơ cấu nâng tải: Số lượng:..... Vị trí đặt:

- Cơ cấu nâng cần: Số lượng:..... Vị trí đặt:

- Cơ cấu quay: Số lượng:..... Vị trí đặt:

- Cơ cấu di chuyển/Xe con: Số lượng:..... Vị trí đặt:

b - Thiết bị ngắt quá tải: Số lượng:..... Vị trí đặt:

c - Thiết bị kẹp ray: Số lượng:..... Vị trí đặt:

d - Khóa liên động: Số lượng:..... Vị trí đặt:

đ - Thiết bị chỉ báo:

- Chỉ tầm với: Vị trí đặt:

- Chỉ tải trọng: Vị trí đặt:

- Chỉ góc nghiêng: Vị trí đặt:

e - Thiết bị tín hiệu: Vị trí đặt:

g - Thiết bị chiếu sáng: Vị trí đặt:

h - Các thiết bị an toàn khác:.....

.....

15) Đặc tính của các cơ cấu dẫn động:

Cơ cấu	Công suất (kW)/Tốc độ (v/ph)/Mô men đầu ra (N.m) của động cơ điện/thủy lực	Công suất (kW)/áp suất (MPa)/Sản lượng (l/ph) của bơm nguồn thủy lực	Công suất (kW)/Tốc độ (v/ph)/Mô men đầu ra (N.m) của động cơ điện lai bơm	Tỷ số truyền của hộp giảm tốc
1) Nâng tải
- Móc chính:
- Móc phụ:
- Nâng ngoạm
2) Nâng cần:
3) Quay:
4) Di chuyển thiết bị nâng
5) Di chuyển xe con

16) Loại điện và điện áp:

STT	Tên mạch điện	Loại điện	Điện áp
1	Động lực		
2	Điều khiển		
3	Chiếu sáng làm việc		
4	Chiếu sáng sửa chữa		

17) Chỗ điều khiển (buồng điều khiển, bàn điều khiển, sàn.....)

.....

18) Điều kiện làm việc:

- Áp lực gió cho phép khi thiết bị nâng làm việc: N/m².
- Tốc độ gió cho phép khi thiết bị nâng làm việc: m/s

19) Đặc tính kỹ thuật của dây cáp

Công dụng của cáp	Kết cấu của cáp	Đường kính cáp	Giới hạn bền của sợi thép khi kéo, N/mm ²	Lực kéo đứt toàn bộ dây cáp	Hệ số dự trữ sức bền	Chiều dài dây cáp, m

20) Đặc tính của bộ phận mang tải:

a - Móc cầu

Thông số	Móc chính	Móc phụ
Sức nâng cho phép, t		
Trọng lượng bản thân, t		
Nơi chế tạo		
Số chế tạo		

b - Gầu ngoạm:

Sức nâng cho phép: t
 Dung tích gầu: m³
 Trọng lượng bản thân: t
 Nơi chế tạo:
 Số chế tạo:

c - Thiết bị chuyên dùng khác:

.....

21) Đặc tính cơ bản các kết cấu kim loại của thiết bị nâng:

Bộ phận kết cấu	Mác/Cấp vật liệu cơ bản	Vật liệu hàn	Ghi chú

22) Đặc tính đường ray di chuyển của thiết bị nâng/xe con:

a - Khổ đường ray:...../..... mm

b - Loại ray:...../.....

c - Phương pháp liên kết đường ray:

- Giữa ray với ray:

- Giữa ray với bộ đỡ:

23) Thiết bị nâng đã được thử tải ở các chế độ sau:

Điều kiện thử và chế độ thử	Tầm với hoặc khẩu độ, m	Tải trọng thử, t
1 - Móc chính - Thử động:		
2 - Móc phụ - Thử động:		
3 - Gầu ngoạm - Thử động:		

Thiết bị nâng đã được kiểm tra và thử tải hoàn toàn phù hợp với “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên các phương tiện thủy nội địa - QCVN96:2016/BGTVT” và các Tiêu chuẩn hiện hành, các điều kiện kỹ thuật chế tạo và được công nhận hoạt động tốt với sức nâng cho phép theo đặc tính tải.

Ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN

(Đơn vị chế tạo hoặc quản lý)

PHẦN II - GIÁM SÁT CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**SỬA CHỮA, THAY THẾ, HOÁN CẢI CÁC BỘ PHẬN, CƠ CẤU CỦA THIẾT BỊ NÂNG**

Ngày, tháng, năm	Nội dung sửa chữa, thay thế, hoán cải	Chữ ký của người chịu trách nhiệm về hoạt động an toàn của thiết bị nâng

PHẦN III - GIÁM SÁT CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ THỬ TẢI**

(Có Biên bản kiểm tra và Giấy chứng nhận kèm theo)

Ngày, tháng, năm kiểm tra	Loại/kết quả kiểm tra	Họ tên, chữ ký của Đăng kiểm viên	Ghi chú (Ngày và chữ ký)

Ngày, tháng, năm kiểm tra	Loại và kết quả kiểm tra	Chữ ký của Đăng kiểm viên	Ghi chú (Ngày và chữ ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: ..

GIẤY CHỨNG NHẬN
Kiểu sản phẩm công nghiệp
SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN sản phẩm dưới đây được sản xuất bởi cơ sở chế tạo nêu trong giấy chứng nhận này phù hợp với

.....

Sản phẩm được công nhận:

Kiểu:

Cơ sở chế tạo:

Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn kiểm tra:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:

với điều kiện phải được xác nhận chu kỳ phù hợp với quy định:

Ngày ấn định đánh giá chu kỳ:

Cấp tại:

Ngày:

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN *

(Ký tên, đóng dấu)

STA

(*) Người có thẩm quyền là Lãnh đạo Cục ĐKVN hoặc Lãnh đạo Phòng tham mưu hoặc Lãnh đạo Chi cục đăng kiểm theo phân công/ủy quyền của Cục trưởng Cục ĐKVN

Bản vẽ và tính toán thiết kế được thẩm định:

Thủ được thực hiện:

Đặc tính của sản phẩm:

Đánh dấu trên sản phẩm:

Các điều kiện khác:

XÁC NHẬN CHU KỲ

Căn cứ vào kết quả đánh giá chu kỳ, xác nhận kiểu sản phẩm của cơ sở chế tạo được duy trì phù hợp với Quy chuẩn/tiêu chuẩn.

Ngày:

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Ký tên, đóng dấu)

Giấy chứng nhận này mất hiệu lực khi:

- Chất lượng của (các) sản phẩm do cơ sở chế tạo không theo đúng quy định.
- Đăng kiểm viên nhận thấy có những thiếu sót trong hệ thống hoạt động của cơ sở.
Cơ sở không thông báo những thay đổi lớn trong hệ thống hoạt động của cơ sở tới VR.
- Cơ sở không thực hiện các đợt đánh giá theo quy định.

Mẫu số 41



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
SỬ DỤNG TRÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN:

Tên sản phẩm/ký hiệu thiết kế:.....

Dự định sử dụng cho:.....

Các thông số cơ bản:

.....

Đã được thiết kế phù hợp với:.....

Số thẩm định:..... Ngày thẩm định:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Công văn đề nghị thẩm định số:..... Ngày:.....

Chủ sử dụng thiết kế:.....

Số lượng chế tạo:..... (sản phẩm)

Cơ sở chế tạo:.....

Đơn vị ĐKGS:.....

Những lưu ý:.....

.....

Cấp tại....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN *

(Ký tên đóng dấu)

TK08-TNĐ

(*) Người có thẩm quyền là Lãnh đạo Cục ĐKVN hoặc Lãnh đạo Phòng tham mưu hoặc Lãnh đạo Chi cục đăng kiểm theo phân công/ủy quyền của Cục trưởng Cục ĐKVN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY CHỨNG NHẬN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN (các) sản phẩm sau đây đã được kiểm tra và phù hợp với:.....

Số lượng và tên sản phẩm:.....

Cơ sở chế tạo:.....

Sử dụng cho:.....

Số giấy chứng nhận kiểu sản phẩm: ; Số thẩm định thiết kế:.....

Số xuất xưởng:.....

Hạn chế áp dụng:.....

Tiêu chuẩn kiểm tra:.....

Được đóng dấu ấn chỉ và số kiểm tra như sau:

Cấp tại:

Ngày:

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN *

(Ký tên, đóng dấu)

SCP

(*) Người có thẩm quyền là Lãnh đạo Cục ĐKVN hoặc Lãnh đạo Phòng tham mưu hoặc Lãnh đạo Chi cục đăng kiểm theo phân công/ủy quyền của Cục trưởng Cục ĐKVN

Các đặc tính:

Thử và kiểm tra:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY CHỨNG NHẬN
THỦ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN (các) sản phẩm sau đây đã được thử và kiểm tra phù hợp với.....

Số lượng và tên sản phẩm:

Cơ sở chế tạo:

Sử dụng cho:

Số xuất xưởng:

Hạn chế áp dụng:

Tiêu chuẩn kiểm tra:

Được đóng dấu ấn chỉ và số kiểm tra như sau.

Cấp tại:

Ngày:

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN *
(Ký tên, đóng dấu)

STP

(*) Người có thẩm quyền là Lãnh đạo Cục ĐKVN hoặc Lãnh đạo Phòng tham mưu hoặc Lãnh đạo Chi cục đăng kiểm theo phân công/ủy quyền của Cục trưởng Cục ĐKVN

Các đặc tính:

Thử và kiểm tra: